

Số: 14/2026/DS-ST

Ngày: 22/4/2026

“*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Nguyên

Ông Bùi Thanh Nhiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 270/2026/TLST- DS ngày 03/11/2025 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST- DS ngày 11/3/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST – DS ngày 25/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Địa chỉ: Số H L, phường Đ, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT V1.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh T – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 3620/2025/UQ – LCC- KHCN2 ngày 11/8/2025, có mặt

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Mai T1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Văn Q, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, TP Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:

Bà Đỗ Thị Mai T1 vay của V1, theo 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2411054210292 (LD2433301208) ngày 28/11/2024. Số tiền vay: 6,320,000,000 (Bằng chữ: Sáu

tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng./.) Thời hạn vay: 312 tháng (Bằng chữ: Ba trăm mười hai tháng), tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Vay hoàn vốn mua BĐS tại thửa đất số 126 TĐĐ số 4B; địa chỉ Thôn N, Xã Đ, Huyện H, TP Hà Nội. Lãi suất trong hạn: 8.2 %/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28/11/2025, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/01/2026. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có TSBĐ dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 312 tháng được Bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5 %/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. + Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử ký số 150-P- 8311707 ký ngày 29/11/2024.

- Hạn mức tín dụng thẻ: 20,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng./.) Thời hạn vay: 60 tháng (Bằng chữ: Sáu mươi tháng), tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay của V1 đối với Chủ thẻ thông qua việc phát hành và sử dụng thẻ áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 4B, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, TP . Hà Nội, theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DP 728288, số vào sổ cấp GCN: VP00180 do Văn phòng Đăng ký đất đai TP . Hà Nội cấp ngày 21/11/2024, đứng tên bà Đỗ Thị Mai T1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp, số công chứng 5803/2024, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/11/2024 tại Văn phòng C1, TP . Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Số tiền Bà Đỗ Thị Mai T1 đã trả V1 tạm tính đến ngày 22/12/2025 là: Nợ Gốc: 0 đồng; Nợ Lãi: 325,826,233 (ba trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng)

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Đỗ Thị Mai T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, **tổng dư nợ tạm tính đến ngày 22/4/2026 là:**

- **Nợ Gốc HĐTD: 6,320,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 544.844.671 đồng; Nợ Lãi quá hạn: 250.756.822 đồng. Tổng cộng 7.115.601.493 đồng**

- **Nợ gốc thẻ TD: 19,800,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.420.983 đồng. Tổng cộng 27.220.983 đồng.**

Tổng dư nợ hai khoản vay của bà Đỗ Thị Mai T1: 7.142.822.476 đồng (Bảy tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)

Ngân hàng Đề nghị:

- Buộc Bà Đỗ Thị Mai T1 phải trả cho V1 toàn bộ số tiền tính đến ngày 22/4/2026 là **7.142.822.476** đồng (Bằng chữ: *Bảy tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Yêu cầu Tòa án cho tiếp tục tính lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23/04/2026 đến ngày Bà Đỗ Thị Mai T1 thực tế trả hết nợ cho V1.

- Trường hợp Bà Đỗ Thị Mai T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 4B, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, TP . Hà Nội nay là Thôn N, xã H, TP Hà Nội, theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DP 728288, số vào sổ cấp GCN: VP00180 do Văn phòng Đăng ký đất đai TP . Hà Nội cấp ngày 21/11/2024, đứng tên bà Đỗ Thị Mai T1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp, số công chứng 5803/2024, quyển số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/11/2024 tại Văn phòng C1, TP . Hà Nội.

Bà Đỗ Thị Mai T1 phải chịu án phí và các chi phí liên quan.

- Bị đơn Bà Đỗ Thị Mai T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc giải quyết vụ án.

Ngày 25/3/2026 bà Đỗ Thị Mai T1 đến Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng TMCP V – Chi Nhánh H1 có đơn xin miễn giảm lãi để tắt toán khoản vay nhưng không được Ngân hàng chấp thuận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Chu Văn Q là người hiện đang ở và quản lý đối với tài sản bảo đảm. Khi tiến hành thẩm định ông Q có trình bày tài sản trước đây có nguồn gốc là tài sản do bố mẹ ông Q để lại cho ông Q, ông Q nhờ vay tiền và đã chuyển nhượng cho ông Trần Cửu C nhưng vẫn quản lý hộ tài sản trên cho ông C, ông không biết việc ông C đã chuyển nhượng tài sản này cho bà Đỗ Thị Mai T1 và không biết việc bà T1 vay nợ Ngân hàng. Tòa án đã đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã triệu tập đến Tòa trình bày ý kiến và yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan nhưng ông Q không đến Tòa và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70 , 71 ; Bị đơn, người liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70 , 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 227, 228 BLTTDS; Các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điều 91, điều 95, điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 của UBTWQH xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1, buộc bà Đỗ Thị Mai T1 phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo bảng tính dư nợ của Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/4/2026 là **7.142.822.476** đồng (Bằng chữ: *Bảy tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng từ ngày 23/04/2026 cho đến ngày bà Đỗ Thị Mai T1 trả hết nợ, trường hợp bà T1 không trả được nợ, ngân hàng V1 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng.

- Bà Đỗ Thị Mai T1 phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Ngân hàng TMCP V khởi kiện bà Đỗ Thị Mai T1 có nơi cư trú tại Tổ A, phường T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – tỉnh Phú Thọ.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị Mai T1 , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký và thẻ tín dụng đã phát hành giữa Ngân hàng V1 và bà Đỗ Thị Mai T1 được các bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực hành vi dân sự, thẩm quyền, tự nguyện tham gia ký kết thể hiện ý chí của các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị mở thẻ tín dụng giữa hai bên được ký kết theo đúng quy định của pháp luật, hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký tài sản bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật. Việc ký kết hợp đồng vay nợ giữa hai bên là hợp pháp. Ngân hàng đã giải ngân cho bà T1 đúng quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đỗ Thị Mai T1 đã vi phạm nghĩa vụ tại tại mục 6, điều 1 - Thỏa thuận về cho vay của Hợp đồng tín dụng; Vi phạm các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi của thẻ tín dụng theo cam kết của khách hàng tại mục VIII của Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ. Do đó Ngân hàng đề nghị tòa án tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1), buộc bà Đỗ Thị Mai T1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo bảng tính dư nợ của Ngân hàng số tiền số tiền tính đến ngày 22/4/2026 là **7.142.822.476** đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng từ ngày 23/04/2026 đến ngày bà Đỗ Thị Mai T1 thực tế trả hết nợ cho V1 là có căn cứ.

Xét đối với số tiền nợ gốc chưa trả, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn như trên là thỏa thuận được các bên thống nhất ghi nhận trong hợp đồng, các thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc ông Nguyễn Trung H phải trả cho Ngân hàng V1.

- Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến đến ngày bà Đỗ Thị Mai T1 thực tế trả hết nợ cho V1.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 116, 119; 280, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 351, 353, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 điều 100, 103; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.
2. Buộc bà Đỗ Thị Mai T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền cụ thể là:

- Nợ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2411054210292 (LD2433301208) ngày 28/11/2024: *Nợ Gốc: 6,320,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 544.844.671 đồng; Nợ Lãi quá hạn: 250.756.822 đồng. Tổng cộng 7.115.601.493 đồng*

- Nợ gốc thẻ TD: 19,800,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.420.983 đồng. Tổng cộng 27.220.983 đồng.

Tổng dư nợ hai khoản vay của bà Đỗ Thị Mai T1: 7.142.822.476 đồng
(Bảy tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)

- Tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 23/4/2026 cho đến ngày bà Đỗ Thị Mai T1 thực tế trả hết nợ cho V1.

3. Trường hợp bà Đỗ Thị Mai T1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng V1 thì Ngân hàng V1 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của bà Đỗ Thị Mai T1 để thu hồi khoản nợ của bà Đỗ Thị Mai T1 cho V1,

Cụ thể tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 4B, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, TP . Hà Nội, theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DP 728288, số vào sổ cấp GCN: VP00180 do Văn phòng Đăng ký đất đai TP . Hà Nội cấp ngày 21/11/2024, đứng tên bà Đỗ Thị Mai T1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp, số công chứng 5803/2024, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/11/2024 tại Văn phòng C1, TP . Hà Nội.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Mai T1 phải chịu **115.142.822^đ** *(Một trăm mười lăm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 57.253.535^đ *(Năm mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004704 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng